

**PHỤ LỤC II**  
**NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA KHOA HỌC,**  
**CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI**  
**VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu*

**I. NHÓM TIÊU CHÍ KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO VÀ ỨNG DỤNG**

**1. Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép  
(mã số 0101)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép là tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ của tổ chức, cá nhân trong tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong kỳ báo cáo.

Đăng ký chuyển giao công nghệ là việc tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập hoặc phần chuyển giao công nghệ trong các hoạt động như: dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, mua, bán máy móc, thiết bị kèm với đối tượng công nghệ chuyển giao hoặc chuyển giao công nghệ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ là việc tổ chức, cá nhân đề nghị và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp phép chuyển giao đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ.

b) Phân tổ chủ yếu: Loại hình chuyển giao công nghệ (Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào trong tỉnh/Chuyển giao công nghệ từ trong tỉnh ra nước ngoài/Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước/Chuyển giao công nghệ trong nước không sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước).

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

## **2. Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép (mã số 0102)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép là tổng số tiền ghi trong các hợp đồng chuyển giao công nghệ trong kỳ báo cáo. Lưu ý rằng giá trị ghi trong hợp đồng thường là giá trị thanh toán cho toàn Sở thời gian có hiệu lực của hợp đồng, không phải là giá trị thực hiện trong kỳ báo cáo.

b) Phân tổ chủ yếu: Hình thức chuyển giao.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

## **II. NHÓM TIÊU CHÍ TÁC ĐỘNG**

### **1. Tác động kinh tế**

#### **1.1. Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mã số 0201)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là tổng số giá trị doanh thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỳ báo cáo.

b) Phân tổ chủ yếu: Loại hình dịch vụ (Dịch vụ khoa học và công nghệ/Dịch vụ đổi mới sáng tạo/Dịch vụ chuyển đổi số).

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Phối hợp: Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thống kê tỉnh; Thuế tỉnh.

### **2. Tác động xã hội và môi trường**

## **2.1. Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mã số 0202)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp và tổ chức dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỳ báo cáo so với tổng số lao động của cả nước.

Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bao gồm: doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp hoạt động công nghệ cao; doanh nghiệp công nghệ số; doanh nghiệp nông nghiệp số và tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Phân tổ chủ yếu: Loại hình kinh tế.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

## **3. Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời (mã số 0203)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời là chỉ tiêu phản ánh mức độ người trưởng thành tham gia các hình thức học tập đa dạng, linh hoạt (đặc biệt thông qua các nền tảng số và nguồn học liệu mở) trong suốt cuộc đời, so với tổng dân số độ tuổi trưởng thành trong kỳ báo cáo.

b) Kỳ công bố: Năm.

c) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

## **4. Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh (mã số 0204)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh là tỷ lệ phần trăm giữa số đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh so với tổng số đơn vị hành chính trong kỳ báo cáo.

b) Phân tổ chủ yếu

- Sở, ngành;
- Tỉnh/Thành phố;
- Xã/phường.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;
- Phối hợp: Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

### **5. Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc (mã số 0205)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động chuyển đổi số (dưới dạng: ảnh, âm thanh, dữ liệu văn bản, mô phỏng 3D, thực tế ảo...) các tài nguyên văn hóa dân tộc (di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống, lễ hội, ngôn ngữ, phong tục...) nhằm lưu trữ, bảo tồn, phổ biến các giá trị văn hóa dân tộc.

b) Phân tổ chủ yếu

- Loại hình tài nguyên văn hóa được số hóa (di sản văn hóa vật thể/phi vật thể, nghệ thuật truyền thống, lễ hội, ngôn ngữ, phong tục...);
- Hình thức số hóa (ảnh, âm thanh, dữ liệu văn bản, mô phỏng 3D, thực tế ảo...).

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

### **6. Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc (mã số 0206)**

a) Khái niệm, phương pháp tính

Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc là chỉ tiêu đo lường hiệu quả ứng dụng các ý tưởng sáng tạo và công nghệ mới (như AI, thực tế ảo, thực tế tăng cường...) để tái hiện và quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc theo cách hiện đại, hấp dẫn, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa dân tộc có giá trị đối với kinh tế và xã hội.

b) Phân tổ chủ yếu

- Loại hình sản phẩm/dự án đổi mới sáng tạo (sản phẩm số hóa, mô hình trải nghiệm văn hóa số, sản phẩm du lịch văn hóa sáng tạo...).

- Mức độ ứng dụng công nghệ mới (AI, VR/AR, Blockchain, Big Data, IoT...)

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu: Báo cáo hành chính.

đ) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường./.